|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đơn vị:..........................** |  | **Mẫu số B03-DNN** |
| **Địa chỉ:………..............** |  | (Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC  ngày 14/ 9/2006 của Bộ trưởng BTC) |

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

***(Theo phương pháp trực tiếp) (\*)***

Năm….

*§¬n vÞ tÝnh: ...........*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Mã số** | **Thuyết minh** | **Năm nay** | **Năm trước** |
| A | B | C | 1 | 2 |
| **I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh** |  |  |  |  |
| 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | 01 |  |  |  |
| 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ | 02 |  |  |  |
| 3. Tiền chi trả cho người lao động | 03 |  |  |  |
| 4. Tiền chi trả lãi vay | 04 |  |  |  |
| 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp | 05 |  |  |  |
| 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 06 |  |  |  |
| 7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | 07 |  |  |  |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh*** | ***20*** |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| **II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư** |  |  |  |  |
| 1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác | 21 |  |  |  |
| 2.Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐS đầu tư và các tài sản dài hạn khác | 22 |  |  |  |
| 3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 |  |  |  |
| 4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 |  |  |  |
| 5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 |  |  |  |
| 6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 |  |  |  |
| 7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 |  |  |  |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư*** | ***30*** |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
| **III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính** |  |  |  |  |
| 1.Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 |  |  |  |
| 2.Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 |  |  |  |
| 3.Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 |  |  |  |
| 4.Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 |  |  |  |
| 5.Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 |  |  |  |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 |  |  |  |
| ***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính*** | ***40*** |  |  |  |
| **Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)** | **50** |  |  |  |
| **Tiền và tương đương tiền đầu năm** | **60** |  |  |  |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 |  |  |  |
| **Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)** | **70** | V.11 |  |  |

*Lập, ngày ... tháng ... năm ...*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người lập biểu** | **Kế toán trưởng** | **Giám đốc** |
| (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên) | (Ký, họ tên, đóng dấu) |

***Ghi chú****:* \* Những chỉ tiêu không có số liệu có thể không phải trình bày nhưng không được đánh lại “Mã số”.